

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 2

3-GIẢI THÍCH TỔNG QUÁT VỀ NHƯ THỊ NGÃ VĂN

Nay sẽ nói tổng quát về “Như vậy tôi nghe”

Hỏi: Nếu chư Phật là đáng Nhất thiết trí, tự nhiên, không Thầy, không theo lời dạy của người khác, không thọ đạo của người khác, không dùng đạo của người khác, không theo người khác nghe để mà thuyết pháp, tại sao lại nói “Như vậy tôi nghe”?

Đáp: Đúng như ông nói: “Phật là đáng Nhất thiết trí, tự nhiên, không Thầy, không theo người khác nghe pháp để mà thuyết”. Phật pháp không chỉ từ miệng Phật thuyết, mà hết thấy lời nói tốt lành, chân thật, vi diệu của thế gian đều xuất từ Phật pháp. Như trong Tỳ-ni, Phật nói: “Thế nào là Phật pháp?” Phật pháp có năm hạng người nói: Một là Phật tự miệng nói, hai là đệ tử Phật nói, ba là tiên nhân nói, bốn là chư thiên nói, năm là hóa nhân nói.

Lại như trong Kinh Thích-đề-hoàn-nhơn đặc đạo, Phật nói với Kiều-thi-ca: “Lời nói trọn vẹn chân thật, lời nói hoàn hảo vi diệu của thế gian đều xuất từ pháp của Ta”, như trong bài kệ tán Phật:

*Thiện ngữ của thế gian.
Đều xuất từ Phật pháp.
Thiện ngữ không sai lầm,
Không gì hơn Phật ngữ.
Những nơi khác tuy có.
Thiện ngữ không sai lầm.
Hết thấy nó đều là,
Một phần của Phật pháp.
Trong các ngoại đạo,
Dù có lời hay,
Như sâu ăn cây,*

Ngẫu nhiên thành chữ.
 Pháp đầu, giữa, cuối,
 Tự phá lẫn nhau,
 Như sắt sanh vàng,
 Ai mà tin được?
 Như ở trong cây Y-lan,
 Sanh hương Ngưu đầu Chiên-đàn.
 Như trong giống cây đắng,
 Sanh ra quả ngon ngọt.
 Nếu tin được điều đó,
 Người ấy sẽ tin rằng:
 Trong kinh sách ngoại đạo,
 Tự xuất lời hay đẹp.
 Những lời hay chân thật,
 Đều xuất từ đức Phật,
 Như thứ hương Chiên-đàn,
 Mọc ở núi Ma-lê.
 Ngoài núi Ma-lê-ra,
 Không đâu có Chiên-đàn,
 Như vậy, ngoại trừ Phật,
 Không có đâu lời thật.

Lại nữa, câu “Như vậy tôi nghe” là lời của các đại đệ tử Phật, như A-nan v.v... nói; vì vào trong tướng của Phật pháp nên gọi là Phật pháp. Như khi Phật sắp nhập Niết-bàn, Ngài ở tại xứ Câu-thi-na-kiệt, giữa rừng cây Sa-la song thọ, nằm quay đầu về hướng Bắc bấy giờ, A-nan tình luyến ái thân thuộc chưa trừ, vì chưa ly dục, tâm chìm trong biển ái, không thể tự ra được. Trưởng lão A-nê-lô đậu (Anuruda) nói với A-nan: “Thầy là người giữ tạng Phật pháp, không nên giống như người phàm tự chìm trong biển ái! Hết thầy pháp hữu vi đều là tướng vô thường, Thầy chớ ưu sầu. Lại nữa, tự tay Phật đã trao pháp cho Thầy, nay Thầy ưu sầu thì sẽ làm mất việc đã thọ nhận. Thầy nên thưa Phật: Sau khi Phật Niết-bàn, chúng con hành đạo như thế nào? Ai sẽ là Thầy? Bọn Xa-nặc ác khẩu làm sao cùng ở chung? Kinh Phật nên để lời gì? Những việc vị lai như thế, Thầy nên hỏi Phật”.

A-nan nghe việc ấy, tâm sầu muộn với bất, được sức ghi nhớ đạo hỗ trợ, đến bên cuối giường Phật nằm, đem các việc ấy hỏi Phật. Phật dạy A-nan: “Hoặc bây giờ, hoặc sau khi Ta diệt độ, nên tự y chỉ và y chỉ Pháp, không y chỉ nơi nào khác! Thế nào là Tỳ-kheo tự y chỉ và y chỉ

Pháp, không y chỉ nơi nào khác? Là, Tỳ-kheo quán ở trong thân, thường niệm nhất tâm trí tuệ, siêng tu tinh tấn, trừ tâm tham ưu thế gian: quán ngoài thân, quán trong ngoài thân cũng như thế; quán, thọ, tâm, pháp niệm xứ cũng lại như thế. Đó gọi là Tỳ-kheo tự y chỉ và y chỉ Pháp, không y chỉ nơi nào khác. Từ nay, giới kinh giải thoát là đại sư của các Thầy. Như kinh Giải Thoát Giới dạy: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, nên như thế mà làm”. Đối với Tỳ-kheo Xa-nặc, sau khi Ta Niết-bàn thì như pháp Mạn-đàn (mặc tẩn) mà trị. Nếu người có tâm nhu thuận thì dạy họ Kinh San-đà Ca-chiên-diên, tức có thể đắc đạo. Ta trải qua ba A-tăng-kỳ tiếp, chứa nhóm tạng Pháp bảo; tạng ấy bắt đầu nên để lời: “Như vậy, tôi nghe, một thời, Phật ở tại địa phương ấy, quốc độ ấy, trong rừng cây xứ ấy”. Vì sao? Vì các kinh Phật đời quá khứ bắt đầu đều xưng lời ấy, các kinh Phật đời vị lai bắt đầu cũng xưng lời ấy; các Phật đời hiện tại, cuối cùng khi Bát-niết-bàn cũng dạy xưng lời ấy. Nay Ta, sau khi Niết-bàn, bắt đầu kinh cũng nên xưng: “Như vậy, tôi nghe, một thời”.

Vậy nên biết là lời Phật dạy, chứ không phải Phật tự nói “Như vậy tôi nghe”; vì Phật là bậc Nhất thiết trí, tự nhiên, không Thầy, thì không nên nói “Tôi nghe”. Nếu Phật tự nói “Như vậy tôi nghe”, có người không biết, thì có thể hỏi như thế, còn đây là A-nan bạch Phật, Phật dạy lời ấy, ấy là đệ tử nói “Như vậy tôi nghe”, xưng “tôi” không có lỗi.

Lại nữa, vì muốn cho Phật pháp trụ lâu ở thế gian, nên các vị A-la-hán, như trưởng lão Đại Ca-Diếp v.v... hỏi A-nan: “Phật thuyết pháp ở chỗ nào trước hết? Ngài dạy những pháp gì?”

A-nan đáp: “Như vậy tôi nghe, một thời Phật ở tại nước Ba-la-nại trong rừng Nai của tiên nhân, Ngài vì năm Tỳ-kheo nói về Khổ thánh đế. Tôi vốn không nghe từ ai nói lại, mà ở trong Pháp chính tôi nhớ rõ, được nhãn, trí, minh, giác”. Việc ấy trong kinh đó cần nói rộng.

Như trong Kinh Tập Pháp (Dharama-samyahāsutra) nói: “Lúc Phật vào Niết-bàn, quả đất rung động sáu cách, các dòng sông chảy ngược, gió mạnh bộc phát, bốn phía nổi mây đen, sấm sét dữ dội, mưa đá đổ xuống, sao băng khắp nơi, sấm sét, ác thú gào thét kêu rống; chư Thiên, người đời đều cất tiếng la hét. Chư Thiên, người đời đều phát ra lời: “Phật vào Niết-bàn sao mà mau quá. Con mắt của thế gian đã mất!”

Ngay lúc bấy giờ tất cả cỏ cây, cây thuốc, hoa lá cùng lúc rã tan; núi chúa Tu-di đều lay động, nước biển dậy sóng, đất rung động mạnh, núi non băng vỡ, cây cối gãy đổ, bốn phía khói ùn rất là dữ sợ; vũng, ao, sông, ngòi đều quấy nhớp, sao chổi mọc ban ngày. Loài người đều kêu khóc, chư Thiên ưu sầu, Thiên nữ ghen ngào khóc than, nước mắt

đầm đìa. Các hàng Hữu học lặng lẽ không vui, các hàng Vô học nghĩ tới pháp hữu vi hết thấy vô thường. Như vậy Trời, Người, Dạ-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, Chân-đà-la, Ma-hầu-la-già và loài Rồng đều rất buồn rầu; còn các vị A-la-hán đã đắc quả, khỏi biển lão bệnh tử, tâm niệm rằng:

*Đã qua sông ái của phàm nhân,
Đã xé giấy hợp đồng già chết,
Thấy bốn Rắn lớn trong hòm thân,
Nạp vào Niết-bàn diệt Vô-dư.*

Các vị Đại A-la-hán, ai nấy tùy ý ở trong núi rừng, khe suối, hang động xả thân mà nhập Niết-bàn. Lại có các A-la-hán đi giữa hư không, ví như nhận chúa hiện các thứ thần lực, khiến mọi người khởi lòng tin thanh tịnh, vậy sau mới vào Niết-bàn. Trời Lục dục cho đến trời Biến tịnh v.v... thấy các A-la-hán đều vào diệt độ, ai nấy nghĩ: “Mặt trời Phật đã lặn, các đệ tử đầy đủ Thiên định, trí tuệ, giải thoát trước đó cũng đã diệt độ. Các chúng sanh nay đủ các bệnh dâm, nộ, si mà các vị Thầy pháp được gặp diệt độ, thì ai sẽ chữa trị cho? Các đệ tử như hoa sen nở trong biển vô lượng trí tuệ, nay đã khô héo, cây Pháp đã gãy đổ, mây Pháp tan diệt, Bạc đại trí như Voi chúa đã mất, đàn Voi con cũng đi theo, người gieo Chánh pháp đã mất rồi, Pháp bảo sẽ tìm cầu ở nơi đâu?”, Như kệ nói:

*Phật đã vĩnh tịch vào Niết-bàn,
Chúng diệt kiết sử cũng qua đi,
Thế giới trống không, không bạc trí,
Ngu tối thêm lên, đèn trí tắt”.*

Bấy giờ chư Thiên lễ dưới chân Đại Ca-diếp và nói kệ:

*“Bạc kỳ lão, ba độc đã trừ,
Thân Ngài như cây trụ vàng ròng,
Doan nghiêm vi diệu không thể sánh,
Mắt sáng trong sạch như Hoa sen.*

Tán thán như vậy rồi, thưa Ca-diếp: “Đại đức Ca-diếp! Nhân giả biết không? Con thuyền Phật pháp như muốn vỡ, thành Phật pháp như muốn đổ, biển Phật pháp như muốn khô, cờ Phật pháp như muốn ngã, đèn Phật pháp như muốn tắt, người thuyết pháp như muốn hết, người hành đạo ít dần, kẻ làm ác thêm lên. Xin Ngài đem tâm đại từ mà kiến lập Phật pháp”.

Bấy giờ Đại Ca-diếp, tâm như biển cả, đứng lặng không lay động, giây lâu mới đáp: “Các ông nói chính xác, thật đúng như lời, thế gian không lâu rồi sẽ vô trí, tối mù”. Rồi lúc đó Đại Ca-diếp im lặng nhận lời. Bấy giờ chư Thiên lễ dưới chân Đại Ca-diếp rồi bỗng nhiên ẩn mất,

ai nấy về chỗ cũ.

Khi ấy Đại Ca-diếp tư duy: “Nay ta làm sao để cho Phật pháp trong ba vô số kiếp khó tìm gặp ấy được trụ lâu?” Tư duy như vậy xong, lại suy nghĩ tiếp: “Ta biết pháp ấy có thể làm cho trụ được lâu dài, phải nên kết tập Kinh (Tu-đổ-lộ), Luật (Tỳ-ni), Luận (A-tỳ-đàm) thành Ba tạng pháp, như vậy Phật pháp có thể được trụ lâu, người đời sau có thể được lãnh thọ hành trì. Vì sao? Vì Phật thương xót chúng sanh, phải chịu khổ trong nhiều đời, mới học được pháp ấy mà diễn nói cho người. Bọn ta cũng nên vâng theo Phật pháp mà tuyên dương khai hóa”.

Lúc ấy, nghĩ như vậy xong, Đại Ca-diếp đi đến trên đỉnh núi Tu-di đánh kiền-chùy, rồi thuyết:

*Các đệ tử Phật,
Nếu nghĩ đến Phật,
Muốn báo ân Phật,
Chớ vào Niết-bàn.*

Âm thanh kiền-chùy và tiếng nói của Đại Ca-diếp vang đến khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới, ở đâu cũng nghe, khi ấy, các bậc đệ tử đã được thần lực, đều đến hội họp ở chỗ Đại Ca-diếp.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp cáo bạch với chúng hội: “Phật pháp sắp muốn diệt! Phật vì thương xót chúng sanh nên chịu cần khổ đủ thứ trong ba vô số kiếp mới học được pháp ấy! Nay Phật đã vào Niết-bàn, các đệ tử biết Pháp, thọ trì Pháp, tụng đọc Pháp cũng theo Phật mà diệt độ, Pháp nay sắp muốn diệt, chúng sanh đời vị lai thật đáng thương thay, đã bị mất con mắt trí tuệ, lại ngu si mù tối. Đức Phật đại từ bi thương xót chúng sanh, chúng ta hãy vâng theo lời Phật, phải đợi khi kết tập Kinh tạng xong, rồi tùy ý diệt độ”. Các chúng đến dự hội đều vâng lời ở lại.

Bấy giờ Đại Ca-diếp chọn được ngàn người, chỉ trừ A-nan, còn hết thầy đã chứng A-la-hán, được sáu thứ thần thông, được cọng giải thoát, vô ngại giải thoát, được ba minh, thiền định tự tại, có thể thuận hành và nghịch hành các tam muội, thầy đều vô ngại, đọc tụng Ba tạng, biết kinh sách nội ngoại, cũng đọc biết cả mười tám thứ đại kinh của ngoại đạo. Ai nấy đều giỏi luận nghị, thu phục các dị học.

Hỏi: Bấy giờ có vô số A-la-hán như thế, cớ gì chỉ chọn lấy một ngàn người, mà không chọn lấy nhiều hơn?

Đáp: Vua Tần-bà-ta-la đắc đạo, tám vạn bốn ngàn quan thuộc cũng đều đắc đạo. Lúc ấy vua sắc trong cung thường dọn bữa cúng dường cho một ngàn người. Vua A-xà-thế vẫn không bỏ pháp ấy. Bấy giờ Đại Ca-diếp tư duy: “Nếu chúng ta thường đi khát thực sẽ có ngoại đạo cưỡng

đến nạn vấn mà bê trễ pháp sự. Nay trong thành Vương-xá thường dọn thức ăn cung cấp cho một ngàn người, chúng ta có thể ở trong đó, kết tập Kinh tạng”; vì lẽ ấy chỉ chọn một ngàn người, không chọn nhiều hơn.

Lúc ấy Đại Ca-diếp cùng với một ngàn người đi đến trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá, nói với vua A-xà-thế: “Hằng ngày hãy đem thức ăn đến cung cấp cho chúng tôi, nay chúng tôi ở đây kết tập Kinh tạng, không đi đâu”.

Ở đó An cư trong ba tháng hạ. Trong ngày mười lăm đầu thuyết giới, vân tập hòa hợp Tăng. Đại Ca-diếp vào thiền định, rồi dùng Thiên nhãn quán trong chúng này đây ai là người chưa dứt sạch phiền não, phải nên mời ra. Thấy chỉ có một mình A-nan chưa dứt hết phiền não, còn chín trăm chín mươi chín người kia đều đã sạch hết các lậu, thanh tịnh không nhớ bản. Đại Ca-diếp từ thiền định dậy, lấy tay dắt A-nan ra khỏi chúng nói: “Nay ở trong chúng thanh tịnh kết tập Kinh tạng, Thầy chưa sạch kiết sử, không nên ở đây”.

Bấy giờ A-nan hổ thẹn buồn khóc, tự nghĩ: “Ta hai mươi lăm năm theo hầu hạ Thế Tôn, gần gũi chăm sóc Ngài, chưa bao giờ bị khổ não như thế này; Phật thật là đại đức từ bi, chịu đựng”. Suy nghĩ xong, A-nan thưa Đại Ca-diếp: “Tôi có đủ sức để đắc đạo từ lâu, song theo pháp của các đức Phật, vị A-la-hán không thể bị sai khiến hầu hạ hai bên; vì thế tôi giữ lại một phần kiết sử nhỏ nhặt mà không dứt hết đó thôi”. Đại Ca-diếp nói: “Thầy còn có tội là, ý Phật không muốn cho người nữ xuất gia, vì Thầy ân cần khuyến thỉnh, Phật mới cho họ xuất gia, vì lẽ đó mà Chánh pháp của Phật chỉ năm trăm năm là suy giảm. Đó là tội Đột-kiết-la (Dunkrta) của Thầy. A-nan đáp: “Tôi thương xót bà Cù-đàm-di. Lại nữa, theo pháp của chư Phật ba đời đều có bốn bộ chúng, sao riêng Phật Thích-ca Văn của ta lại không có?” Đại Ca-diếp nói: “Khi Phật sắp nhập Niết-bàn gần thành Câu-thi-na-kiệt, Ngài đau lưng, trải bốn lớp y Âu-đa-la-tăng để nằm và nói với Thầy: “Ta cần nước”, mà Thầy không cung cấp. Đó là tội Đột-kiết-la của Thầy”. A-nan đáp: “Khi đó cả năm trăm cỗ xe bằng đồng lội qua làm nước vẩn đục, vì thế nên tôi không lấy!” Đại Ca-diếp nói: “Dầu nước bị đục, thần lực của Phật có thể làm cho nước đục biến thành trong sạch, sao Thầy không lấy? Đó là tội Đột-kiết-la của Thầy. Thầy hãy sám hối đi!”. Đại Ca-diếp lại nói: “Phật đã dạy: Nếu người tu tập đầy đủ Bốn thần túc, thì có thể sống một kiếp hoặc non một kiếp. Phật tu tập đầy đủ Bốn thần túc, muốn sống một kiếp hoặc non một kiếp đều được, mà sao Thầy làm thính không thưa lại. Phật hỏi đến ba lần, Thầy vẫn làm thính. Nếu Thầy thưa lại với

Phật thì Phật với sự tu tập đầy đủ Bốn thần túc, Ngài có thể sống một kiếp hoặc non một kiếp! Do Thầy, Phật Thế Tôn sớm vào Niết-bàn. Đó là tội Đột-kiết-la của Thầy!” A-nan đáp: “Ma che lấp tâm tôi, nên không nói được, chứ không phải tôi có ác tâm mà không thừa Phật”. Đại Ca-diếp nói: “Thầy xếp y Tăng-già-lê của Phật mà lấy chân đạp lên. Đó là tội Đột-kiết-la của Thầy!” A-nan đáp: “Khi ấy có gió lớn nổi lên mà không có ai cầm y, gió thổi làm y rớt xuống chân tôi, chứ không phải tôi không cung kính mà giẫm lên y Phật!” Đại Ca-diếp nói: “Sau khi Phật Niết-bàn, Thầy bày tướng Mã âm tàng của Phật cho người nữ xem, sao không biết xấu? Đó là tội Đột-kiết-la của Thầy!” A-nan đáp: “Khi ấy tôi suy nghĩ: Nếu các người nữ thấy tướng Mã âm tàng của Phật, chắc họ tự xấu hổ thân hình nữ nhân, mong muốn được thân nam tử, tu hành Phật tướng, gieo gốc phước đức”; vì thế mà tôi cho người nữ xem, chớ không phải không biết xấu mà cố tâm phá giới”. Đại Ca-diếp nói: “Thầy có sáu tội Đột-kiết-la như vậy nên phải sám hối giữa Tăng”. A-nan nói: “Vâng, tôi xin theo lời dạy của Trưởng lão Đại Ca-diếp và chúng Tăng”. Khi ấy A-nan quỳ thẳng chấp tay, bày vai áo bên phải, cởi dép, sám hối sáu tội Đột-kiết-la. Đại Ca-diếp ở giữa Tăng, cầm tay A-nan dắt ra ngoài, nói với A-nan: “Thầy hãy dứt hết lậu hoặc của Thầy, vậy sau trở vào, kiết sử tàn dư chưa hết, thì Thầy chớ vào!”. Nói xong, liền tự đóng cửa lại.

Bấy giờ, các A-la-hán bàn bạc rằng: “Ai có thể kiết lập Tỳ-ni Pháp tạng?” Trưởng lão A-nê-lô-đâu (A-nậu-lâu-đà) nói: “Xá-lợi-phất như là Phật thứ hai, có người đệ tử giỏi, tên là Kiều-phạm-ba-đề là người nhu nhuyễn hòa nhã, thường ở chỗ vắng, trú tâm tịch mịch, có thể biết rành Tỳ-ni tạng, nay đang ở trong vườn cây Thi-lợi-sa trên Trời, nên sai sứ thỉnh về”. Đại Ca-diếp nói với hạ tọa Tỳ-kheo: “Thầy hãy nghe Tăng sai”. Hạ tọa Tỳ-kheo thưa: “Tăng có việc gì sai khiến?” Đại Ca-diếp nói: “Tăng sai Thầy đến trong vườn Thi-lợi-sa ở trên Trời, nơi A-la-hán Kiều-phạm-ba-đề đang ở”. Tỳ-kheo ấy vui mừng hăng hái vâng lời Tăng-sai, và bạch Đại Ca-diếp: “Tôi đến chỗ A-la-hán Kiều-phạm-ba-đề, trình thuyết việc gì?” Đại Ca-diếp nói: “Đến đó rồi, thưa với Kiều-phạm-ba-đề: Các vị lậu tận A-la-hán Đại Ca-diếp v.v... đều hội tại Diêm-phù-đề, Tăng có Pháp sự lớn, thỉnh ngài mau đi đến”.

Hạ tọa Tỳ-kheo ấy lễ Tăng rồi đi quanh ba vòng, liền như chim Kim-sí bay lên hư không, đến chỗ Kiều-phạm-ba-đề, cúi đầu tác lễ, thưa Kiều-phạm-ba-đề: “Thưa Đại-đức! Đại đức là bậc nhu nhuyễn, hiền thiện, thiếu dục, tri túc, thường ở trong Thiên định, Đại-ca-diếp có lời

thăm hỏi và nói với Ngài: Nay Tăng có đại Pháp sự, xin Ngài mau đến đó xem hàng Tăng bảo tụ họp”. Khi ấy Kiều-phạm-ba-đề có tâm nghi ngại, nói với Tỳ-kheo ấy: “Tăng không có việc đấu tránh mà gọi tôi chẳng? Không có kẻ phá Tăng ư? Phật nhập diệt rồi ư?” Tỳ-kheo ấy nói: “Đúng như lời Ngài nói, đức Phật Đại-sư đã diệt độ”. Kiều-phạm-ba-đề nói: “Phật diệt độ mau quá! Con mắt thế gian đã mất! Vị tướng có khả năng theo Phật Chuyển xe pháp là Hòa thượng Xá-lợi-phất của ta nay ở đâu?” Đáp: “Đã vào Niết-bàn trước Phật”. Kiều-phạm-ba-đề nói: “Đấng Đại-sư, bậc Pháp-tướng đều đã cách lìa, sẽ tính sao đây? Đại Mục-kiền-liên giờ ở đâu?” Tỳ-kheo ấy đáp: “Cũng đã diệt độ”. Kiều-phạm-ba-đề nói: “Phật pháp sắp tàn! Bậc Đại-nhân đã qua đi, chúng sanh thật đáng thương!”. Lại hỏi: “Trưởng lão A-nan nay làm gì?” Tỳ-kheo ấy đáp: “Trưởng lão A-nan sau khi Phật diệt độ, rầu rĩ khóc lóc, mê man không tả xiết”. Kiều-phạm-ba-đề nói: “A-nan áo não là do còn ái kết, sinh đau khổ về nỗi biệt ly. Còn La-hầu-la thì sao?” Tỳ-kheo ấy đáp: “La-hầu-la đã chứng A-la-hán nên không ưu sầu, mà chỉ quán các pháp vô thường”. Kiều-phạm-ba-đề nói: “Lòng thương yêu khó dứt mà dứt được nên không ưu sầu”. Lại nói tiếp: “Ta đã mất vị Đại sư ly dục thì ta còn ở trong vườn Thi-lợi-sa này làm gì? Các vị Đại sư Hòa thượng của ta đều đã diệt độ, nay ta không thể trở xuống Diêm-phù-đề nữa, mà ở đây vào Niết-bàn”.

Nói xong lời ấy Tôn giả nhập thiền định, bay lên hư không, thân phóng ra ánh sáng, lại phát ra nước lửa, tay cầm mặt trời, mặt trăng, hiện các thứ thần biến, tự tâm phát lửa thiêu thân, trong thân phát ra bốn luồng nước chảy xuống đến chỗ Đại Ca-diếp, trong luồng nước có tiếng nói kệ:

*Kiều-phạm-ba-đề cúi đầu lễ,
Đại đức tăng, diệu chúng bậc nhất.
Nghe Phật diệt độ, tôi diệt theo,
Như voi chúa đi, voi con theo.*

Bấy giờ Tỳ-kheo hạ tọa ôm y bát trở lại nơi chúng Tăng. Trong lúc ấy, A-nan tư duy các pháp, cầu hết lậu hoặc dư tàn, đêm đó tọa Thiền kinh hành, ân cần cầu đạo. Vì A-nan trí tuệ nhiều mà định lực ít nên không mau đắc đạo, định và trí bằng nhau mới mau chứng đắc. Cuối đêm sắp hết, mệt quá muốn nghỉ, vừa nằm xuống đầu chưa đến gối, A-nan bỗng nhiên tỏ ngộ, như điện xẹt sáng, từ chỗ tối được thấy đường. A-nan nhập định Kim-cang như vậy, phá hết thấy các núi phiền não, chứng được Ba-minh thân thông. Cọng giải thoát, thành bậc A-la-hán

đại lực. Ngay đêm đó, A-nan đi đến nhà Tăng gõ cửa gọi. Đại Ca-diếp hỏi: “Ai gõ cửa đó?” Đáp: “Tôi là A-nan”. Đại Ca-diếp hỏi: “Thầy vì sao đến đây?”. A-nan thưa: “Tôi nay đã dứt các lậu”. Đại Ca-diếp nói: “Không mở cửa, Thầy cứ theo lỗ khóa mà vào”. A-nan đáp: “Dạ được”, liền dùng Thân lực theo lỗ khóa mà vào, lạy dưới chân chúng Tăng mà sám hối, Đại Ca-diếp không còn quở trách, lấy tay xoa đầu A-nan nói: “Tôi cố vì Thầy, để cho Thầy đắc đạo, thầy không nên hiềm hận; cũng như vậy, tôi cố để Thầy tự chứng ngộ. Ví như lấy tay vẽ giữa hư không, không dính mắc gì, tâm A-la-hán cũng như vậy, trong hết thủy pháp, không còn dính mắc. Thầy hãy trở lại chỗ ngồi của mình”.

Khi ấy Tăng lại bàn rằng: “Kiều-phạm-ba-đề đã vào diệt độ, còn có ai có thể kiết tập Kinh tạng?” Trưởng lão A-nê-lô-đậu nói: “Trưởng lão A-nan, trong hàng đệ tử Phật, người thường hầu gần Phật, nghe kinh nhớ hết, Phật thường khen ngợi; A-nan ấy có thể kiết tập Kinh tạng”.

Bấy giờ Trưởng lão Đại Ca-diếp xoa đầu A-nan, nói: “Phật chúc lụy cho Thầy thọ trì Pháp tạng, Thầy nên báo ân Phật. Phật ở chỗ nào thuyết Pháp trước hết? Các đại đệ tử Phật có thể thủ hộ Pháp tạng thì đã diệt độ, chỉ còn lại một mình Thầy, Thầy nay theo tâm của Phật, thương xót chúng sanh, kiết tập Phật pháp tạng”.

Khi ấy, A-nan lễ Tăng xong, lên ngôi tòa Sư tử. Bấy giờ Đại Ca-diếp nói kệ:

*Phật Thánh Sư tử vương,
A-nan là con Phật,
Ngồi trên tòa Sư tử.
Quán trong chúng, vắng Phật.
Như thế chúng Đại đức,
Không Phật, mất uy thân.
Như khi trời không trăng,
Có sao nhưng chẳng nghiêm.
Thầy, đại trí nên nói.
Thầy, con Phật hãy nói.
Ở đâu, Phật đã thuyết,
Nay Thầy nên nói rõ.*

Khi ấy Trưởng lão A-nan nhất tâm, chấp tay hướng đến nơi Phật Niết-bàn, nói:

*Lúc Phật mới thuyết Pháp.
Lúc ấy con không thấy,
Nghe truyền lại như vậy:*

*Phật ở Ba-la-nại.
Phật vì năm Tỳ-kheo.
Lần đầu mở cửa Pháp,
Thuyết bốn pháp chơn đế,
Khổ, Tập và Diệt, Đạo.
A-nhã Kiều-trần-như,
Trước tiên được thấy đạo.
Tám vạn các thiên chúng.
Cũng đều vào dấu đạo.*

Nghìn A-la-hán nghe lời ấy rồi, bay lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, cùng nói: “Lớn thay, sức mạnh vô thường! Như chúng ta mắt thấy Phật thuyết pháp, nay lại nói “Tôi nghe”, rồi nói kệ:

*Ta thấy thân tướng Phật.
Cũng như núi Tử kim.
Chúng đức diệu tướng diệt,
Chỉ còn lại danh thôi.
Vậy nên hãy phương tiện,
Mong ra khỏi ba cõi.
Siêng nhóm các thiện căn.
Niết-bàn vui hơn hết.*

Bấy giờ A-nê-lô-đậu nói kệ:

*Ôi thế gian vô thường!
Như trăng nước, cây chuối.
Công đức đầy ba cõi,
Gió vô thường hoại hết.*

Bấy giờ Đại Ca-diếp lại nói kệ:

*Quá lớn, sức vô thường,
Ngu, trí, nghèo, giàu, sang.
Đắc đạo, chưa đắc đạo.
Hết thầy không tránh khỏi.
Phi lời hay, của báu.
Phi gian dối tranh được,
Như lửa đốt muôn vật,
Tướng vô thường là vậy.*

Đại Ca-diếp nói với A-nan: “Từ kinh Chuyển Pháp luân đến kinh Đại Bát Niết-bàn, tập thành bốn bộ A-hàm: Tăng nhất A-hàm, Trung A-hàm, Trường A-hàm, Tương Ứng A-hàm. Đó gọi là Pháp tạng Tu-đồ-lộ (Sutrapitaka).

Các A-la-hán lại hỏi: “Ai có thể hiểu rõ mà tập thành Pháp tạng Tỳ-ni?” Đều nói: “Trưởng lão Ưu-ba-ly, là người trì Luật hơn cả trong năm trăm A-la-hán, chúng ta nay cung thỉnh”. Liền thỉnh: “Mời Trưởng lão Ưu-ba-ly đứng dậy đi đến ngôi tòa Sư tử mà thuật lại: “Phật ở chỗ nào bắt đầu thuyết Tỳ-ni kiết giới?”

Ưu-ba-ly vâng lời Tăng dạy, ngồi trên tòa Sư tử nói: “Như vậy tôi nghe, một thời Phật ở thành Tỳ-xá-ly, bấy giờ con của Trưởng-giả Tu-lân-na Ca-lan-đà, bắt đầu làm chuyện dâm dục. Do nhân duyên ấy, Phật kết thành đại tội thứ nhất. Hai trăm năm mươi giới làm thành ba bộ, bảy pháp, tám pháp, Tỳ-kheo-ni, Tỳ-ni, Tăng-nhất, Ưu-ba-ly vấn, Tạp bộ, Thiện bộ.... Như vậy mười tám bộ làm thành tạng Tỳ-ni”

Các A-la-hán lại suy nghĩ: “Ai có thể hiểu rõ mà kết tập tạng A-tỳ-đàm?” Nghĩ rằng: “Trưởng lão A-nan, trong năm trăm A-la-hán, là người bậc nhất hiểu nghĩa Tu-đổ-lộ, chúng ta nay cung thỉnh”. Liền thỉnh rằng: “Xin mời Trưởng lão A-nan đứng dậy đi đến ngôi tòa Sư tử, thuật lại Phật ở chỗ nào đầu tiên thuyết về A-tỳ-đàm?”

A-nan vâng lời Tăng dạy, đến ngôi trên tòa Sư tử nói: “Như vậy tôi nghe, một thời Phật ở thành Xá-bà-đề, bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo: “Những người có năm điều sợ, năm tội, năm oán, không trừ không diệt, do nhân duyên ấy, thân tâm trong đời này chịu vô lượng khổ, đời sau lại đọa vào đường ác. Những người không có năm điều sợ, năm tội, năm oán, do nhân duyên ấy, thân tâm trong đời này thọ vui, đời sau lại sanh vào chỗ vui trên trời. Những gì là năm điều sợ nên xa lìa? Một là sát sanh, hai là trộm, ba là tà dâm, bốn là nói dối, năm là uống rượu”. Những điều như thế gọi là tạng A-tỳ-đàm.”

Kiết tập ba tạng Pháp xong, chư Thiên, quý thần, các rồng, thiên nữ mưa hoa hương Trời, tràng phan, áo Trời đủ các thứ cúng dường, để cúng dường pháp, và thuyết kệ:

Vì thương xót thế gian.

Kết tập ba pháp tạng.

Đáng đủ Mười trí lực.

Trí, đèn soi vô minh.

Hỏi: Bát-kiền-độ A-tỳ-đàm (Astāgrāṇ-Ābhidharma), Lục phần (Asatpā-Ābhidharma) từ đâu ra?

Đáp: Lúc Phật còn ở đời, pháp không có sai trái. Sau khi Phật diệt độ, kết tập pháp thứ nhất, cũng như khi còn Phật. Một trăm năm sau khi Phật diệt độ(?), vua A-du-ka (Asoka) (?) mở đại hội Ban-xà Vu-sắc (Pāncavarsa - parisad), các đại pháp sư luận nghị khác nhau nên có

danh tự các bộ khác nhau. Từ đó về sau, lần lượt đến khi có đạo nhân Bà-la-môn tánh là Ca-chiên-diên, trí tuệ, lợi căn, đọc hết kinh sách tam tạng trong ngoài, muốn giải thích Phật pháp nên viết luận Phát-trí (Jñanaprasthà màstagratha) gồm tám Kiền-độ, phẩm đầu là Thế gian Đệ nhất pháp. Về sau các đệ tử, vì người sau không thể hiểu hết tám Kiền-độ, nên viết ra bộ luận Tỳ-bà-sa. Có người nói: “Trong sáu phần A-tỳ-đàm, phần thứ ba là Phân biệt thế xứ, do Mục-kiền-liên soạn. Trong sáu phần, phần đầu gồm tám phẩm, bốn phẩm do Bà-tu-mật Bồ-tát soạn, bốn phẩm do A-la-hán nước Kế-tân (Kasmir) soạn; còn năm phẩm kia do các luận nghị sư soạn”.

Lại có người nói: “Lúc Phật tạ thế, Xá-lợi-phất đã giải lời Phật nên soạn A-tỳ-đàm. Về sau, đạo nhân Độc tử tụng đọc, cho đến nay gọi là Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm. Và Đại Ca-chiên-diên lúc Phật tạ thế, vì giải lời Phật mà soạn Tỳ-lặc (Petaka - Hiệp tạng) cho đến nay lưu hành ở Nam Thiên Trúc.

Các luận nghị sư đều giải rộng lời Phật, như nói năm giới. Trong năm giới ấy, mấy giới thuộc có sắc, mấy giới thuộc vô sắc. Mấy giới thấy được, mấy giới không thấy được. Mấy giới là có đối ngại, mấy giới là không đối ngại. Mấy giới là hữu lậu, mấy giới là vô lậu. Mấy giới là hữu vi, mấy giới là vô vi. Mấy giới là có quả báo, mấy giới là không quả báo. Mấy giới là thiện, mấy giới là bất thiện. Mấy giới là hữu ký, mấy giới là vô ký.

Lại có bảy sử là dục nhiễm sử, sân nhuế sử, hữu ái sử, kiêu mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử. Trong bảy sử ấy, mấy sử hệ thuộc Dục giới, mấy sử hệ thuộc Sắc giới, mấy sử hệ thuộc Vô sắc giới. Mấy sử do kiến đế đoạn, mấy sử do tư duy đoạn. Mấy sử do thấy Khổ đế đoạn, mấy sử do thấy Tập đế đoạn, mấy sử do thấy Diệt đế đoạn, mấy sử do thấy Đạo đế đoạn. Mấy sử biến khắp, mấy sử không biến khắp.

Lại có mười trí là Pháp trí, Tỷ trí, Thế trí, Tha tâm trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sanh trí. Mười trí ấy, mấy thuộc hữu lậu, mấy thuộc vô lậu. Mấy thuộc hữu vi, mấy thuộc vô vi. Mấy trí duyên pháp hữu lậu, mấy trí duyên pháp vô lậu. Mấy trí duyên pháp hữu vi, mấy trí duyên pháp vô vi. Mấy trí duyên Dục giới, mấy trí duyên Sắc giới, mấy trí duyên Vô sắc giới. Mấy không hệ duyên, mấy trí tu ở trong vô ngại đạo, mấy trí tu ở trong giải thoát đạo. Khi được bốn quả, mấy trí được, mấy trí mất. Phân biệt hết thấy pháp như vậy, cũng gọi là A-tỳ-đàm; vì A-tỳ-đàm có ba loại:

1. A-tỳ-đàm Thân và Nghĩa, lược nói có ba mươi hai vạn lời.

2. Sáu phần, lược nói có ba mươi hai vạn lời.
3. Trí lạc, lược nói có ba mươi hai vạn lời, ấy là A-tỳ-đàm. Lược nói Tổng nghĩa “Như vậy, tôi nghe” đã xong.

-----o0o-----